

## NIẾT-BÀN HUYỀN NGHĨA PHÁT NGUYÊN CƠ YẾU

### QUYỂN 2

Văn nói, v.v... trở xuống là văn trong phẩm Như Lai Tánh. Hai mươi lăm hữu được chia thành sáu đường, gồm bốn châu, bốn đường ác, trời Vô tướng, trời Na-hàm, sáu tầng trời cõi Dục, Phạm thiên, bốn Thiên cõi Sắc và bốn Không thiên của cõi Vô Sắc. Vì trong hai mươi lăm hữu, sinh tử không bao giờ mất, cho nên gọi là hữu ngã. Chân ngã cũng là Phật tánh phải chăng? Đây là câu hỏi của Ca-diếp; Đáp rằng tức là Đức Phật trả lời: “Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, tức là nghĩa của Ngã”. Về Ngũ ngôn (lời nói mớ), Văn Tuyền ghi: “Ngũ ngôn, Mạc Dư Ứng chú thích rằng: “Nằm mà nói”. Nếu theo văn thì phải đọc nghe, tức ngủ mà nói. Phẩm Như Lai Tánh ghi: “Ví như có hai người bạn rất thân nhau, một người là Vương tử, một người là kẻ nghèo hèn, người nghèo thấy Vương tử có mang một cây đao quý, tâm sinh tham đắm. Sau đó vị Vương tử mang đao báu đến một nước khác, còn người nghèo kia tạm trú tại một ngôi nhà kia, ban đêm nằm ngủ thường mở, la “đao đao”, người bên cạnh nghe được, dẫn đến chỗ vua v.v...” Bồ-tát cũng giống như thế, ngài xuất hiện ở thế gian nói tướng chân ngã, nói xong liền bỏ, giống như vị Vương tử mang đao đến nước khác; còn phàm phu nói tất cả đều có ngã, cũng như kẻ nghèo tạm trú ở ngôi nhà kia, ban đêm ngủ mở nói “đao đao”. “Cho đến thông xanh, lá vàng, v.v...” trở xuống là lời trong phẩm Anh Nhi Hạnh, vì muốn dỗ cho đứa trẻ nín khóc, cho nên dùng lá thông vàng giả làm vàng bạc; dùng người gỗ, ngựa gỗ đều để làm cho đứa trẻ nín khóc. Ví dụ này nói về Thường, Lạc, Ngã, Tịnh luống dối của cõi trời ba mươi ba. Lời sơ ghi: “Lá vàng dụ cho Vọng thường, vàng bạc dụ cho vọng Tịnh, người dụ cho vọng Ngã, ngựa dụ cho vọng Lạc. Sáu đường lấy việc an thân thuận tánh làm vui sướng, v.v...” như trong địa ngục lạnh, thì cho nóng là vui sướng, tất cả các đường khác cũng y theo đó mà biết được. Đối với Phật là thông,

nghĩa là chưa đạt đến rốt ráo, vì còn cách nhau bởi sinh tử biến dịch. Chẳng chung chẳng riêng, vì đây thành bốn câu, cho nên thuộc về song phi (hai lần phi). Nếu nói tóm gọn thì chỉ là chung riêng, chín cõi là chung, cõi Phật là riêng, câu đầu là nói về Bồ-tát nên đối với Phật là chung. Cốc là vắt sữa bò, chỗ nào cũng chảy ra, phẩm Như Lai Tánh ghi: “Vị như trên núi Tuyết có một vị thuốc tên là Lạc vị, do Luân vương chế ra, cho nên chỗ nào cũng làm chiếc ống bằng gỗ để nhận loại thuốc này. Vị của thuốc chân chánh. Sau khi Luân Vương chết, thì thuốc này, hoặc có vị rượu, hoặc là mặn, hoặc là ngọt, cay, đắng, lạt, v.v...” như thế chỉ có một vị, mà tùy chỗ đến có khác nhau. Vị chân chánh của thuốc này vẫn giữ tại núi Tuyết; giống như mặt trăng tròn v.v...” Bí tạng cũng giống thế, vì phiền não cho nên biến thành nhiều vị, có cái gọi là năm đường, bốn tánh, đã giải thích như trong số ký. Dứt bỏ bệnh này, đảo tức là thổ (nhả ra, vứt bỏ). “Kinh ghi v.v...” trở xuống: Tức dẫn văn trong phẩm Kiều-trần-như. Ba thứ bệnh tức tham, sân, si; ba thứ thuốc tức Bất tịnh, từ tâm, nhân duyên. Vì sự lý chẳng dung hợp vào nhau, cho nên thuốc và bệnh không liên hệ nhau. Vua lại bị bệnh, tức là dụ cho khách y trong phẩm Ai Thán. Vua bị bệnh, tức là hàng căn cơ nhỏ (Tiểu) chấp vô thường là bệnh. Vừa là thuốc vừa là bệnh: Trị tà thường cho nên gọi là thuốc, chướng ngại chân thường cho nên gọi là bệnh. Ba pháp tu cao quý này tức là Thường, Lạc, Ngã,. Ngang dọc của chữ Y cũ dụ cho ba pháp tu thấp kém, là vô thường, khổ, vô ngã. Lại chữ Y mới v.v...” trở xuống vì đoạn trước đối trị hai bên, cho nên Giáo, Hạnh, Lý của Trung đạo đều có tên song phi (hai lần chẳng phải), nay lại dùng Giáo, Hạnh đối với Lý, thì (giáo, Hạnh của Viên y có thể đối trị hai bên; cho nên gọi là thuốc (dược). Lý tròn đầy dứt bật hai bên cho nên thuộc về song phi, vì thế nói là chánh pháp chánh tánh v.v... “Chỉ có thường tịnh v.v...”, đây là y cứ theo Bán và Bán đoạt nhau, tức là cho hai để đoạt hai; nếu hoàn toàn đoạt, thì bốn đức đều không, như Số ký đã nói. “Là tập khí”, nghĩa là Tam bảo khác nhau tức là tâm vô minh, vô minh tức tập hết, thì hoa còn dính thân”, đây là vô vi duyên với tập khí, chẳng phải tập khí nơi cảnh giới bên trong. Dọc vượt khỏi chín cõi, đây là theo tự hành (tự tu) phá chín cõi để hiển bày cõi Phật, nên gọi là Thụ xuất; nhưng chỉ phá về Sự có chín chớ chẳng phải phá Tánh có chín. Ngang gồm thấu tất cả, ngang thì cùng khắp chín cõi, không bờ, không đáy cho nên là Thường, ngang gồm thấu cho nên nói vô biên, dọc vượt ra cho nên không đáy. Do đạt được chỗ không bờ, không đáy nên gọi là Đại tướng phu. Đã là Tướng phu, lại có Điều phục tướng

phu, nên gọi là năng hóa độ tất cả, tự tha dung nhiếp; cho nên chẳng thể nghĩ bàn. “Dứt khổ v.v...” Cũng dùng bốn câu để giải thích Lạc. Hai câu đầu y cứ theo Đoạn, hai câu sau y cứ theo Trí. Trong hai câu đầu thì một nói về Dụng của dứt, nói dứt khổ lạc, cho nên lạc tức là dứt khổ sinh tử và vui Niết-bàn mà được Trung đạo an vui hoàn toàn, câu sau là nói về Thể của dứt, nên gọi là Đại tịch, vì vậy lạc tức là Trung đạo vắng lặng hoàn toàn, lia hai bên, nên gọi là Đại tịch. Trong hai câu sau, thì câu thứ nhất luận về Trí Dụng, nói vì (tất cả đều rõ biết) Nhất thiết trí nên Lạc, tức là Trung đạo soi chiếu cả hai bên, nên gọi là Nhất thiết trí; câu sau nói về trí thể. Nói thân thường nên an vui, tức rõ ràng thường biết. Nghiệp tịnh, cho nên chung. “Thân tịnh v.v...” tức ba nghiệp đều thanh tịnh; gồm thân và miệng, nhưng chỉ nêu thân tịnh, tức là muốn nói sắc tâm không hai, bao gồm không, giả trung; nên đều gọi là Tịnh. “Cho nên v.v...” trở xuống là phần tổng kết, nhưng trong đoạn văn này nói về Thường và Lạc, mỗi thứ đều có bốn câu; nói về Ngã chỉ có một câu, còn nói về Tịnh có ba câu, mỗi câu đều tùy theo lời nói, mà không có ý gì khác. “Theo như văn trước thì lẽ ra y cứ vào lý, v.v...” tức là đoạn văn Chánh pháp Chánh tánh chẳng thuốc chẳng bệnh, hiển bày lẫn nhau... ở trước đã theo Lý để nói cái chẳng phải nay lại y theo Sự để nói cái chẳng phải, dùng văn trước để so sánh văn sau, dùng văn sau để so với văn trước, cho nên gọi là hiển bày lẫn nhau. Từ địa ngục trở lên mà phân biệt, tức là trong đoạn văn về chung riêng có nói: Sáu đường lấy an thân và thuận tánh làm an vui. “Từ ngoại đạo trở lên, tức là trong đoạn văn về thuốc bệnh nói về Trưởng giả, chết rồi liền trộm bầy bò. “Nhị thừa trở lên” tức trong đoạn văn về Đại, Tiểu có nói Tiểu là Nhị thừa. “Bốn Tất-đàn”, danh từ này xuất xứ từ Trí luận, Tất là từ ngữ Trung Quốc, Đàn là tiếng Phạm, Tất là cùng khắp, Đàn là bố thí, tức là dùng bốn pháp vui mừng, sinh thiện, phá ác và nhập chánh lý mà ban bố khắp cho loài hữu tình nên gọi là Tất-đàn, Trung Quốc dịch là Thành tựu, Luận ghi: Tất-đàn cũng là Tất-đàm (thành tựu). Xét hai chữ này, đều là âm Phạm, cho nên các nhà Tông học khác có vị cho rằng các nhà Thiên Thai không giỏi tiếng Phạm và Hoa, lại xưa nay cũng đều cho rằng hai chữ này đều là tiếng Phạm, đâu chỉ có đời Đường mới biết? Cho nên Tịnh Danh Huyền Nghĩa ghi: “Tất-đàn là tiếng nước ngoài, các Pháp sư giải thích đều khác nhau, có vị nói là không dịch, vì tiếng nước ngoài bao gồm nhiều nghĩa, ví như Tu-đa-la gồm năm nghĩa, nên ở xứ này không dịch, hoặc dịch là Tông Thừa, Mặc ấn, Thật, Thành tựu, rất ráo; phiên dịch khác nhau như thế chẳng phải một nghĩa, thật khó

xét định. Ngài Nam Nhạc nói rằng: “Ví như Đại Niết-bàn là một từ ghép chung Phạm Hán”. Ngài Nam Nhạc đã thân chứng thì không thể dùng lầm lẫn. Cho nên ngài Trí Giả tông Thiên Thai y cứ vào đó để giải thích nghĩa. Vả lại như từ Long Thọ, các nhà phiên dịch xưa đều cho rằng hai từ này là tiếng Hoa, tức Long là sinh Pháp thân, Thọ là sinh sinh thân; nhưng đến đời Đường thì có thuyết cho rằng Long là tiếng Hoa, còn Thọ là âm Phạm. Phạm là Na-già-thọ-na, Trung Quốc dịch là Long Mãnh; nên biết Long Mãnh là do nhân duyên cha mẹ cầu xin cây (thọ), lại lạm dụng âm Thọ-na, cho nên dẫn đến giải thích khác nhau mà dùng ví dụ cho Tất-đàn; Tất là giải thích “biến” là âm Phạm, lẽ ra cũng không sai lầm, như dịch Rốt ráo cũng là cùng khắp. “Nói lên Đệ nhất nghĩa khi xưa”, xưa là Nhân Thiên giáo và Tiểu thừa giáo, mỗi giáo đều cho Niết-bàn của tự giáo là Đệ nhất nghĩa. Dẫn “sự không có lẫn nhau” để chứng minh, tức kinh Niết-bàn quyển ba mươi lăm ghi: “Chỗ của bò thì không có ngựa, chỗ ngựa thì không có bò, nên gọi là không có lẫn nhau. Niết-bàn chân đế, cũng giống với thuyết của nhà đầu tiên, cho Niết-bàn là tục đế; nghĩa là cho rằng Niết-bàn do tu mà được, nên thuộc về Tục đế, dẫn Triệu Luận để chứng minh, cho rằng Niết-bàn tục đế vô danh vô tướng. Ngài Tăng Triệu có soạn bốn bộ luận, đó là Vật Bất Thiên, Bất Chân Không, Bất-nhã Vô Trí và Niết-bàn Vô Danh. Nay dẫn văn trong Vật Bất Thiên: Nước sông đến lúc không chảy, nghĩa là sóng sau sóng trước nối nhau, mà không đến nhau; tánh nó đều thường trụ, tuy trôi mà chẳng chảy. Mặt trời, mặt trăng soi khắp bầu trời mà chẳng chuyển. Nghĩa là mặt trời, mặt trăng soi sáng bầu trời ngày đêm chẳng dứt, vì tánh của nó mỗi pháp thường trụ, cho nên chẳng khắp. “Há có v.v...” trở xuống là kết luận để hiển bày Niết-bàn vô danh vô tướng, nghĩa là các vật như núi sông, trăng sao... cho đến Niết-bàn đều là Tục đế. Còn là nhị giả là tục và đãi. Vì ngầm hợp với chân, vì vô minh đã hết, chẳng phải do thành mà có cái giả, nối nhau duyên với chân, có cái giả đối đãi mê ngộ; vì có hai giả tức là Tục đế cho nên gọi là chân. Chấp trước chân có tên, nghĩa là tục vốn không có danh, do nương vào chân mà lập tên, như bậc Thánh vào thời kiếp sơ, đã y cứ theo chân lý của pháp để tạm lập ra danh từ Tục đế, chân lý năng thông gọi là đường xá, chân lý bất động gọi là núi non. Sở thông chẳng phải có, vì bốn môn sở thông, đều là thiên chân, chỉ có Lân hư gọi là Hữu môn, phân tích phá bỏ Lân hư thì gọi là không môn, cả hai cũng chẳng đúng, y cứ theo nghĩa cũng biết được. “Chỉ ba đường là v.v...” trở xuống là dùng dụ để kết luận ý bác bỏ. Ba đường là tên ba

ngọn núi Thái Hành, Hoàn Viên và Hào Mẫn. Tả Truyện ghi: “Ba non bốn núi, chín châu rất hiểm trở”. Có chỗ gọi là Hoang đồ: Là do người sau vọng sửa đổi. Đó là dụ cho việc dùng Tiểu để giải thích Đại, giống như cho sự nguy hiểm của ba non là đất bằng phẳng của kho châu báu. Mất loài cá dụ cho Tiểu, minh châu dụ cho Đại, yếu chỉ này rất dễ hiểu. “Hỏi: Xưa nay v.v...” trở xuống là khen ngợi sự vi diệu chân thật của luận mà lập ba câu hỏi: Câu hỏi thứ nhất là lời khen ngợi thứ nhất, là đạo thầy trò truyền thừa cao siêu. “Hai là ngài Tăng Triệu soạn v.v...” trở xuống là khen ngợi lời soạn thuật cao tột.

“Ba là người đời v.v...” trở xuống là khen ngợi xưa nay cùng chấp nhận. “Ý như thế nào? v.v...” trở xuống là câu hỏi thứ nhất, tuy có đầy đủ ý nghĩa của ba điều hay đẹp được trình bày nhưng so với các nhà hiện nay, thì ai hơn ai kém, cho nên nói: Ý như thế nào? Về Mệnh thế, thì Văn Tuyền, Lý Lăng Thư ghi: “Điều tin vào tài của Mệnh thế, bao gồm văn võ”. Chú thích: “Mệnh tức là danh tiếng, ý nói là tên tuổi vang danh thời đại”. Mạnh Tử nói: “Năm trăm năm ắt có vua làm hưng thịnh, trong đó có bậc vang danh ở đời”. Chú thích: Danh Thế là người tài giỏi dưới bậc Thánh, người đến có thể dạy dỗ. Nhất thế tức là: Sinh đồng thời với bậc Thánh. Thăng đường nhập thất, đạo hạnh còn cạn thấp là thăng đường, đạo hạnh cao sâu gọi là Nhập thất. Luận Ngữ chép: “Khổng Tử nói: Tử Do cũng thăng đường nhưng chưa nhập thất”. Chỉ một mình Triệu mà thôi, môn hạ của ngài La-thập có mười Triết, tám Tuất và bốn Thánh, thì Tăng Triệu được xếp vào trong đó. Đạo Sinh, Tăng Triệu, Đạo Dung và Tăng Duệ được tôn xưng là bốn vị Thánh, lại thêm Ảnh, Nghiễm, Phùng, Quán thành tám Tuất, cộng với Đạo Thường, Đạo Tiêu là mười Triết. Tăng Truyện ghi: “Thông tình thì Đạo Sinh, Đạo Dung là thượng thủ, thấu rõ sự lý thì Tăng Triệu, Tuệ Quán là bậc nhất. Lưu Di Dân khi đọc những thiên luận của Tăng Triệu có khen ngợi rằng: “Đâu ngờ trong hàng xuất gia lại có Bình Thúc”. “Dương Dương, v.v...” trở xuống: Nghĩa là văn từ Triệu luận mênh mông, dào dạt, làm thỏa mãn người nghe. Luận Ngữ ghi: “Sư Chí lúc mới ra làm quan, tấu khúc loạn của Thiên quan, nghe thật là dào dạt rất hay”.

Sách không rời tay: Thích là buông ra. Trong lời đáp, đầu tiên là tự khiêm nhường, chỉ chung cho mặt trời, mặt trăng ở trong lòng, là dụ cho sự sáng tỏ thông đạt. “Đã chẳng v.v...”, trở xuống là lời tự trách, đã chẳng thân thọ từ ngài Tăng Triệu, nên yếu chỉ sâu xa khó thể biết được. “Toản ngưỡng v.v...”, trở xuống tuy không đích thân thọ luận này từ ngài Tăng Triệu, nhưng đã tìm cầu chỉ thú của ngài nên cũng có biết

được. Toản ngưỡng, Nhan Uyên khen Trọng Ni rằng: “Dùi vào thì biết nó cứng, ngửa lên nhìn thì biết nó cao”. Quản Khuy, Trang Tử nói rằng: “Dùng ống nhìn trời cao, lấy dùi chỉ xuống đất”. Kế đó trong lời đáp là dùng bốn câu để phán xét văn luận, tức là từ câu luận này... Luận gồm có chín Tích và mười Diễn, tổng cộng gồm mười chín thiên, nay những điều bác bỏ đều nằm trong bài biểu và phần Khai tông thứ nhất, phần Hạnh Thể thứ hai. Những lời nói, câu văn nhiệm mầu cốt yếu trong đó đều không ngoài bốn câu, cho nên dẫn trích xen lẫn không thành thứ lớp. Nay đầu tiên chỉ rõ văn, sau giải thích ý nghĩa.

Chỉ rõ văn ở phần nào:

\* Trong “câu có” (hữu cú), thì đầu tiên là văn trong phần Khai tông, còn câu nếu không v.v...” là văn trong bài Biểu.

\* Trong “câu không” (vô cú) thì hai câu đầu, là văn trong phần Khai tông, tức câu: Tôi có thử nói về điều đó, đạo Niết-bàn thì vắng lặng rỗng rang. Câu chẳng lẽ có v.v... trở xuống là lời văn trong bài Biểu, ghi đầy đủ tức là câu: “Đã gọi là Niết-bàn, há lại có tên trong đó sao?”

\* Trong “câu hai lần cũng”, thì câu “Mờ mờ mịt mịt, trong đó có điểm sáng tỏ” thuộc văn trong bài Biểu, còn những câu khác thuộc về văn trong phần Khai tông.

\* Câu hai lần phi (song phi cú), cũng là văn trong phần Khai tông. Mà muốn v.v...” trở xuống: Nói đủ là: “Đây là cảnh giới khi muôn vật chưa sinh, là quê hương của mâu nhiệm, “mà muốn” dùng hữu vô đặt tên, hầu chỉ bày nơi chốn; dùng lời nói để diễn tả đạo thần diệu, thì chẳng phải là càng xa hay sao!”

– Giải thích nghĩa: Xuất xứ... đến giả danh, hữu dư trụ thế gọi là Xuất, Vô dư nhập diệt gọi là Xử, đây là do ứng cơ mà thị hiện có sinh diệt, không có thật thể, cho nên đều gọi là giả danh. “Nếu không v.v...” trở xuống đây là lời trong thư của vua Tần, bác bỏ các nhà thông hiểu Đệ nhất nghĩa đế, cho rằng tất cả đều rỗng rang vắng lặng, chẳng có bậc Thánh, cho nên ngài Tăng Triệu nêu ra: “Nếu chân đế rỗng rang không có gì gọi là bậc Thánh thì ai biết bậc Thánh đây? Đã có người biết, thì nghiệm biết có bậc Thánh”. Cho nên luận nói: Thật biết được đây là bài chiếu sáng suốt. Nếu không v.v...” trở xuống là Ngài Tăng Triệu làm sáng tỏ ý của vua Tần, bậc Thánh bật ý quên lời, động tịnh đều hợp với đạo, cho nên nói vui chơi với đạo. Tức là câu Hữu, đã có người biết, và vui với đạo, há chẳng phải hữu cú tức vô cú hay sao? Đã không có hình tướng không có tên gọi, lại chẳng có tâm biết, thì đó há

chẳng phải là vô cú hay sao? Cho nên chẳng thể cho là có, đây là câu cũng không, chẳng thể cho là không, đây là câu cũng có. Hoãng là Hữu, hốt là vô, yếu tức mờ mịt, minh là tối. Nghĩa là hữu vô bất định, mờ mịt khó lường, nhưng trong đó lại có điểm sáng tỏ, cho nên nói “có tinh”, mờ mịt là cũng không, có tinh là cũng có, năm ấm diệt hẳn, nên gọi là “cũng vô”, u linh chẳng dứt, nên gọi là cũng hữu. Hữu vi dứt bật ở trong, vì hòa lẫn mà không thay đổi; chẳng thể cho là Hữu cho nên bật Hữu; có công năng còn mãi cho nên bật vô. “Danh nghĩa v.v...” tức nói thể của Niết-bàn, bên trong thì bật Hữu vô, bên ngoài thì không có danh nghĩa. “Xem nghe v.v...” trở xuống là giải thích hai câu trên; do bên ngoài dứt bật danh nghĩa, cho nên chỗ thấy nghe của hai cõi chẳng thể đến được; do bên trong dứt Hữu vô cho nên định Tứ không của cõi sắc chẳng thể rõ biết. Viết lên bằng nghĩa là tên gọi; phương hướng bờ cõi là Thể của Lý, chẳng phải là xa lắm sao? Nếu chấp có chấp không thì cách đạo rất xa. “Nhưng v.v...” trở xuống: Đoạn này dùng bốn giáo để phán định ý nghĩa của luận. “Luận v.v...” trở xuống nghĩa là trong phần Khai tông ghi: “Diệt độ, là Đại hoạn dứt hẳn, vượt qua bốn dòng”. Chẳng quan hệ đến cảnh giới bên ngoài, vượt qua bốn dòng là vô minh, hữu, kiến và dục ở cảnh giới bên trong. Chẳng diệt cái họa hoạn ở Niết-bàn, chỉ cho thân năm ấm là đại hoạn. “Cho nên phần nói về sai lầm v.v...” trở xuống: Đã nói luận kia là Đại, lại chẳng phải Biệt Viên, nay tìm vấn trong Biện sai, thì biết thuộc về Thông giáo; Biện sai tức là thiên thứ chín, vô vi chỉ là một, luận ghi: Vì đều ra khỏi sinh tử, nên đều gọi là vô vi. “Đây là dùng, v.v...” trở xuống là kia nói các đạo ba Thừa, đều do vô vi mà có khác nhau, ba này là ba vô vi, chứ chẳng phải vô vi có ba. “Như Lai v.v...” trở xuống là kinh Phóng Quang chép: “Niết-bàn có sai biệt chăng? Đáp rằng, không sai biệt, chỉ vì Như Lai kết sử và tập khí đã dứt hết, còn Thanh văn thì kết sử và tập khí chưa trừ hết mà thôi; nay xin dùng thí dụ gần gũi đây để chỉ bày ý chỉ sâu xa, như người chặt cây, chặt một thước thì cây ngắn một thước, chặt một tấc thì ngắn một tấc, như ngắn tại thước tấc chẳng phải tại không có thước. Lỗi do Sư dẫn ở đây hoặc có thay đổi. Có bản ghi rằng Thanh văn kết sử đã dứt hết, nhưng tập khí chẳng dứt. “Kết, v.v...” trở xuống là phần nhiều hết chữ. Tại thước tấc, chẳng tại không có. Thước tấc dụ cho ba thừa có cạn sâu, không có dụ cho Niết-bàn lý nhất. “Tuy đều v.v...” trở xuống là Niết-bàn bên bờ kia, lên xuống tức ba thừa. Dùng đường không nói năng, tức là Đại phẩm và Bát-nhã. “Sản nhiên”, Thượng Thư ghi: “Phương cư Sản công”, Khổng An Quốc ghi rằng: “Cư là nhóm họp, Sản là hiện

rõ”. “Phàm Thông giáo v.v...” trở xuống, đoạn này Sư bác bỏ bốn điều lỗi của Tăng Triệu, thứ lớp như văn đã ghi. Dưới thì nâng đỡ ngọn ngành, Triệu Luận ghi: “Trên thì theo gốc huyền, dưới thì cứu vớt kẻ chìm đắm”, câu đầu là trên cầu, câu sau là dưới hóa. Lý là gốc đạo cho nên gọi là gốc huyền, đưa bé mất quê xưa, cho nên gọi là chìm đắm, phương tiện khéo léo gọi là trẻ thơ, vốn đã tự có chân như cho nên gọi là quê cũ. Nay xét ý này cho nên nói đó là: Chính là, ấy là dứt bật vui buồn..., hàng Thông giáo hiển bày huyền hóa tức không, cho nên vui buồn... đều dứt bật. Đồng với sáng tối, trí thì sáng, hoặc thì tối. Chẳng tạo ra các việc lớn nhỏ. Sở giải thích rằng: “Anh nhi của Biệt giáo: Chẳng gây năm tội nghịch, gọi là chẳng làm việc lớn; chẳng khởi tâm Nhị thừa, gọi là chẳng làm việc nhỏ. Dùng trẻ thơ làm dụ, đây là y cứ theo ý của phần sau, chỉ là hòa quang đồng trần lợi lạc chúng sinh, khiến cho chúng sinh thấy biết. Bồ-tát đồng với chúng sinh lúc mới tu học, cho nên gọi là hạnh trẻ thơ, thế thì hiện đồng với trời người. Tam giáo cùng với trước Thập trụ của Viên giáo đều gọi là trẻ thơ. Nay xét Triệu Luận, chỉ là Anh Nhi Thông giáo. Dùng ba con thú qua sông để làm thí dụ, dùng ba thừa đều chứng Niết-bàn, mà trí tuệ có sâu cạn để dụ. Văn này xuất xứ từ Đại Phẩm và kinh Niết-bàn quyển hai mươi mốt, tức Thanh văn dụ như thả qua sông, Duyên giác dụ như ngựa, Bồ-tát dụ như voi qua sông. Dụ về nguội thân bật trí, thì trích trong luận Trí Độ, tức Thanh văn dứt chánh kết sử như đốt gỗ thành than, Duyên giác dứt tập khí như đốt than thành tro, Bồ-tát tro than đều chẳng còn. Tông chỉ ở kinh khác, thế pháp của Thông giáo chẳng phải là pháp Viên đốn nay. “Tất cả Bồ-tát v.v...” trở xuống: Bồ-tát thuộc ba giáo: La-hán, Tạng, Thông, đều xé rách lưới nghi đồng thành Phật đạo. “Phật khai mở v.v...” trở xuống là khai mở Thông giáo tức Viên giáo. Vì sao lại lập nghĩa Thông giáo? Về người cầm điếc, trong kinh Pháp Hoa, các chúng sinh chưa được Giải thoát thì bị mắc là cầm điếc, nay được khai ngộ đều được thông minh lanh lợi. Hội tức là điếc. Bày cũ hiển mới, cũ tức là ba pháp tu kém, mới tức là ba pháp tu cao siêu. “Sóng nổi lên, v.v...” trở xuống là dụ cho đánh rơi hạt châu dưới hồ nói trong phẩm Ai Thán, gạch ngói dụ cho lý Tiểu thừa, mặt trăng tức hạt châu, dụ cho lý Viên giáo; đã giải thích ở Sở ký. Ngài Tăng Triệu dùng lý Sở chứng của ba thừa Tích giáo, để giải thích Niết-bàn Viên dung của kinh này, đâu khác gì nhật sỏi tưởng là châu. Tức giềng mối, tức là sợi dây lớn ở mép tấm lưới, nếu giềng mối ngay thẳng thì mắt lưới ngay ngắn, nếu giềng mối thiếu sót thì mắt lưới bị hư đứt lệch lạc, không ngay ngắn; nghĩa



Đại của Niết-bàn dụ cho giềng mối; chín, mười chín phần phân tích, mười phần diễn bày (Diễn) là chỉ cho mắt lưới. Nếu nghĩa Niết-bàn hoại diệt thì còn dùng sự phân tích hay diễn bày để làm gì? Cho nên nói là đâu có chỗ gá nương (an ký). “Chấp Phật v.v...” trở xuống: Tích giáo phương tiện, trong kinh Pháp Hoa, Niết-bàn, Đức Phật đã quở trách Quyền giáo, cho nên nói là vất bỏ. Mười phần diễn bày, nghĩa là luận có mười chín thiên, gồm chín phần phân tích mười phần diễn bày (Diễn): Chiết là vặn hỏi, Diễn là lời đáp, giải thích. Mười chín thiên tức là: 1. Khai Tông, 2. Hạch Thể, 3. Vị Thể, 4. Trưng Xuất, 5. Siêu Cảnh, 6. Sư Huyền, 7. Diệu Tôn, 8. Nạn Sai, 9. Biện Sai, 10. Trách Dị, 11. Hội Dị, 12. Cật Tiệm, 13. Minh Tiệm, 14. Cơ Động, 15. Động Tịch, 16. Cùng Nguyên, 17. Thông Cổ, 18. Khảo Đắc, 19. Huyền Đắc; trong đó thiên một, ba, năm, bảy, chín, mười một, mười ba, mười lăm, mười bảy, mười chín là phần Diễn, chín thiên còn lại là phần phân tích. “Chẳng phải ba đức”; bàn luận của mười Diễn chỉ là làm rõ Niết-bàn của Tích giáo, chẳng phải là ba đức viên thường. “Nay nói v.v...” trở xuống là Sư chính luận bàn về nghĩa Niết-bàn vô danh, xin tìm xem văn mà xét rõ yếu chỉ; so sánh với ngài Tăng Triệu, mặc dù cách xa Đồ hán; lớn nhỏ khác nhau, nhưng không thể sánh được; hơn kém rõ ràng, biết rõ như lòng bàn tay, chẳng phải vì cảm tình riêng. Đầu tiên Sư nêu ra ba đức để giải thích Niết-bàn, kế đó lại lia chín cõi để giải thích vô danh, sáu đường và Ba thừa của giáo hợp thành chín cõi. Từ “sở ly v.v...” trở xuống: Sở ly tức chín cõi, năng ly (chủ thể xa lìa) tức cõi Phật, vì không có tên Niết-bàn của chín cõi, nên gọi là Vô danh, mà có tên ba đức của cõi Phật; cho nên biết trong bốn chữ Niết-bàn Vô danh, thì hai chữ hiển bày năng ly, hai chữ sau nói rõ sở ly, vì y cứ theo năng sở đối đãi cho nên thuộc về Hữu môn. “Tức các danh là vô danh”, nghĩa là vì chín cõi hữu danh, Phật giới vô danh, nên gọi là Niết-bàn. Đây là y cứ theo sự dứt bật đối đãi cho nên thuộc về Không môn. Niết-bàn chẳng có bốn, nghĩa là ba và một dung nhiếp nhau, đâu còn có bốn tướng? Nên biết bốn môn vẫn là ba quán, vì tức không cho nên gọi là tức vô danh; tức Giả cho nên chẳng lia tên chín cõi; tức Trung, song chiếu là hai cũng (cũng... cũng), song giả là câu phi (chẳng... chẳng). Nên biết rằng mười giới, nhất tâm, ba quán dung nhiếp yếu chỉ Niết-bàn vô danh, chẳng lia tâm mà hiển bày rõ ràng trước mắt, há lại nhờ vào chín Chiết mười Diễn quanh co để luận bàn hay sao? Cho nên gọi là vô duyên, nghĩa là không duyên theo hai bên. “Nay cũng v.v...”, là không có tên gọi sáu đường, tức Không duyên với chúng sinh, không có tên bốn Thánh nên không duyên với

Pháp, có tên Bí tạng tức duyên với Như Lai. Huống chi hạ địa và phàm phu v.v...”, mắt Phật, tai Phật còn không thể thấy nghe, huống chi bốn loại mắt, bốn loại tai khác mà nghe thấy được sao? Hỏi: Mắt Phật, tai Phật mà chẳng thấy nghe được sao? Đáp: Thấy mà không có tướng thấy, nghe mà không có tướng nghe, cho nên nói không có thấy nghe.

Đại bi phương tiện, tức là thuận theo bốn Tất-đàn mà lập giả danh. Cây lay động và giờ quạt dụ cho danh tướng, mặt trăng dụ cho thật lý. “Văn ghi v.v...” tức là lời trong kinh Niết-bàn quyển hai mươi một. Chi-la-bà-di sơ ghi rằng: “Chim sẻ này một âm mà hai tên”. “Trí Độ v.v...” trở xuống quyển bốn mươi sáu, lại lập năm ấm v.v...” Vì phân tích tâm nên thành năm ấm, phân tích sắc nên có mười hai nhập, sắc tâm cùng phân tích nên thành mười tám giới, vì thế ba khoa này không lìa phạm vi của sắc tâm. “Có chỗ lại gọi là v.v...”, đoạn này nói các danh từ đã nêu ghi rải rác trong các văn kinh. Chỗ mà bốn dòng là dục, hữu, kiến, và vô minh, không thể nhiếp đến được, gọi là châu, cồn, bãi. Nhĩ Nhã ghi: “Chỗ đất nổi lên giữa sông mà sinh sống được gọi là cồn, châu nhỏ gọi là bãi”. Ngăn chặn được mưa gió phiền não, nghiệp ác gọi là hang động nhà cửa. “Viên pháp cùng khắp cho nên có người tu viên. Như ăn cháo sữa, không có gì hơn, là bậc nhất, vì thế dụ như đề hồ, vì giúp cho hàng xiển-đề khởi thâu tín tâm viên dung, cho nên dụ như cây gậy, kinh Niết-bàn quyển ba mươi bốn ghi: “Kinh này có thể là một cây gậy của hàng nhất-xiển-đề”. Giống như người yếu, có thể nhờ vào gậy mà đứng dậy; soi rõ kẻ phá giới giống như gương sáng. Cho nên Kinh nói: “Kinh này là gương sáng, giống như gương thế gian soi bóng các sắc tướng, vì thế gọi là “gương sáng phá giới”. Có bản ghi sau chữ vị thêm chữ nhất là sai. “Không thể v.v...” trở xuống là giải thích ý nghĩa dụ như hư không. Tức là, vì rỗng rang cho nên nói là như hư không chẳng thật có; vì cùng khắp, cho nên nói là như hư không chẳng chướng ngại. “Đại Luận ghi v.v...” trở xuống: Chúng sinh là giả danh, năm ấm là thật pháp, đều là tên gọi trong nhân, đã chung cho cực quả, thì có thể biết tên gọi quả Niết-bàn, cũng chung trong nhân, cho nên mười cõi đều nói là an lạc. Chẳng ở trong v.v...” “chẳng ở trong” tức chẳng, không, chẳng ở ngoài tức chẳng có. Trung gian tức cả hai. Cũng “thường tự có” tức chẳng có chẳng không. Chữ “này” chẳng trụ, tức bốn tánh không thật có nên gọi là tánh không. Cũng chẳng phải chẳng trụ, là không này cũng không, nên gọi là Tướng không, Niết-bàn cũng như thế. Chư Phật và Bồ-tát là người Năng trụ, Niết-bàn là pháp Sở trụ. Người đã hai không thì Pháp há chẳng phải như thế? Người pháp không hai, thể tánh chẳng khác, Hợp

lại tìm cầu cũng chẳng thật có, nghĩa là đầy đủ ba đức cũng chẳng phải Niết-bàn. Đây là nói về ba đức, hoặc đầy đủ, hay riêng biệt, đều không có tướng nhất định, cho nên riêng biệt hay hợp lại để tìm đều không thật có, mới gọi là Niết-bàn. “Cho nên trí v.v...” trở xuống là dẫn kệ tán thán Bát-nhã trong Đại Luận để nói lên kiến và chẳng kiến, riêng cầu hay hợp cầu, đều trói buộc hay đều giải thoát, là những lời nói lên Niết-bàn chẳng có nơi chốn, là chẳng kiến thoát. “Nếu có người thấy v.v...” trở xuống là đối với pháp sinh khởi sự thấy, thì gọi là kiến bị phược, mê chấp pháp tướng gọi là chẳng kiến phược, xứng pháp sinh khởi cái thấy gọi là kiến đắc, là tướng thấy và chẳng thấy gọi là chẳng kiến thoát. Pháp thân, Giải thoát, mỗi pháp đều làm bốn câu giống như Bát-nhã, cho nên nói cũng giống như thế. “Thí như vật huyễn hóa v.v... vì huyễn thể vốn luống dối cho nên chẳng thể thấy, mà có sắc tướng, cho nên nói “mà thấy” chẳng thể thấy mà thấy dụ cho kiến thoát thấy mà chẳng thấy dụ cho chẳng kiến thoát. Nhưng nhờ vào tên gọi để dẫn dắt chúng sinh, tức là giả lập tên ba đức bí tạng để cho chúng sinh ngộ được lý ẩn chứa trong tên gọi, mà thông suốt được danh tức chẳng phải danh, đó là Đại bi phương tiện như cây lay động, giờ quạt... “Thí như nắm tay v.v...” trở xuống là theo thứ tự lần lượt phối hợp với bốn Tát-đàn. Dùng chữ Y mới để làm cho họ ưa thích, hàng căn cơ Đại thừa sinh tâm ưa thích, liền được lợi ích vui mừng, dẫn tiến tức dẫn chúng sinh đến điều thiện lớn; phá bỏ tức phá tiểu ác xưa, ngộ được tiểu tức là Đại. Không có thì chẳng dứt bật, nơi không mà khởi chấp thì không hề dứt bật, còn chẳng phải nghĩa của Tiểu thừa, Nhị thừa Thông giáo tức hữu mà đạt không, chứng Niết-bàn. “Voi đầu đàn v.v...” là văn trong phẩm Ai Thán. Trói cột ràng rịt, buộc dầm ở đầu ngựa gọi là kỵ. Thích Danh ghi: Kỵ tức là kiểm. Sở dĩ nói kiểm là để giữ gìn chế phục loài ngựa. Một mảy may động niệm, là nhỏ nhất yếu ớt. Phần Hệ từ trong Chu Dịch ghi: “Buồn khổ, hối hận, tiếc nuối còn trong giới tâm (tâm yếu ớt)” “Đã chẳng dứt bật v.v...” âm là gốc của lời nói. Dương Tử pháp ngôn ghi: “Ngôn ngữ là âm thanh của tâm, chữ viết là bức họa của tâm”. Đây chính là tu tập đường ngôn ngữ dứt v.v...” tức đạo Phương tiện của Tiểu thừa và nội phạm. Khổ nhãn minh phát tức là khổ pháp nhãn, khổ pháp trí đầu tiên trong mười sáu tâm của kiến đạo. Lược nêu ý nghĩa của Kiến đạo bao gồm Tu đạo, vì hai đạo này đều là chân thật chứng ngộ. “Khi Thế đế tử diệt”, tức chỗ Kiến hoặc và Tư hoặc bị phá trừ gọi là Thế đế tử. “Chỉ cho việc này v.v...”, trở xuống là nêu lên chỗ kém để so sánh với chỗ hơn. Tam tạng thua kém đã bật nhân pháp sáu đường, hướng chi là ba

giáo khác của Đại thừa cao siêu hơn.

“Nhưng khi vào v.v...” trở xuống là khi sắp nói về nghĩa Thông giáo, trước bác bỏ tam tạng. Vì chân tục khác nhau, vì Tam Tạng giáo Sự Lý cách biệt, vì nhập quán hợp với chân cho nên dứt bật, xuất quán thì nhập vào tục, cho nên chẳng dứt bật, không như Thông giáo, Sự Lý tức nhau, xuất quán hay nhập quán đều kế hợp dứt bật. “Như thế thì đạo xa lắm ư v.v...” trở xuống là chính thức bày nghĩa Thông giáo. Hai câu đầu là văn trong Triệu Luận, vì các giáo mà Triệu Luận nói chỉ ở tại Thông giáo mà thôi. Xa là sao? Ý nói chẳng xa. Câu đầu nói về Pháp thì ngay nơi tục là chân, cho nên nói đạo chẳng xa, câu kế nói về người, thì ngay nơi phàm là Thánh, cho nên nói rằng bậc Thánh chẳng xa. Không dứt bật chẳng phải không dứt bật, vì đều như huyền hóa nên không có hai tướng, đạo phương tiện tức là Tánh địa. Không và Tuệ tương ứng: Kiến địa trở lên đều gọi là tương ứng. “Kinh Tịnh Danh ghi v.v...” trở xuống: Tức Thiên nữ trách mắng Thân tử. Vô minh chưa nhở được. Theo phẩm Ai Thán ghi: “Hàng Nhị thừa bạch Phật rằng, khi xưa con bị tình sắc làm say mê, trôi lăn trong sinh tử, như người say kia nằm ở chỗ dơ uế, nay Như Lai ban cho con pháp lạc, khiến cho con nhỏ ra được rượu ác phiền não, nhưng con vẫn chưa tỉnh ngộ hoàn toàn, mà sao lại buông bỏ? “Mặt trời, mặt trăng xoay chuyển”, Kinh ghi: “Như người say rượu kia nhìn thấy mặt trăng trên hư không, vốn không xoay chuyển mà nghĩ là xoay chuyển. Chúng sinh cũng giống như thế, vì bị vô minh phiền não che lấp, sinh tâm điên đảo, ngã chấp là vô ngã, cho đến vui thú chấp là khổ, như người say, không hề có chuyển động mà nghĩ là có chuyển động”. “Như người bị bệnh sốt rét”, là Kinh ghi: “Như người bị bệnh sốt rét được gặp thầy thuốc, sự đau đớn được hết, con cũng giống như thế, bị bệnh tà mạng thiêu đốt, tuy được gặp Như Lai, nhưng bệnh chưa được dứt hết, chưa được an ổn thường lạc vô thượng. “Đối với cảnh giới v.v... trở xuống là kết luận ý kinh. Hoặc, nghiệp chung ở cảnh giới bên trong tuy dứt hết, nhưng hoặc nghiệp riêng ở cảnh giới bên ngoài vẫn còn, cho nên nói kết sử và phiền não tập khí chưa dứt, vô minh chưa hết... Dùng tâm Đại Niết-bàn tu hành, là hiểu đăn trung thứ lớp tu tập năm hạnh, đầy đủ mười đức. Nhưng nói năm hạnh phân biệt rõ ràng là y cứ theo tu, mười đức là y cứ theo chứng, cũng là tu và chứng thông nhau. Nay hãy nói theo sự giáo đạo trước Thập địa, thì cả hai đều ở nơi hạnh tu tập, tức là chỉ vì chuyên tâm, một bề cầu Sơ địa, chân chứng Đại Niết-bàn mà tu các hạnh trước Thập địa. “Không còn tâm ở bên trong cõi v.v...” trở xuống: Tâm bên trong còn tức là trí phân tích thể.

Nói về bên trong cõi tức Tạng giáo, Thông giáo Phương tiện như thế, tức ba mươi tâm của Biệt giáo. Mà chưa phải là thâm hợp Trung đạo, là vì Sơ địa phần chứng là thâm hợp Trung đạo. Chỗ xưa chẳng được; xưa nói phạm phu vị chưa chứng được trí Trung đạo, nay nghe Trung đạo trí chẳng dứt bật vô minh. Nay dứt vô minh: “mà khi tu thì có thứ bậc v.v...” trở xuống là từ quả mà đối với nhân thì bị quở là theo thứ lớp cấp bậc, như người leo lên từng nấc thang. Lìa hai bên mà tìm Trung đạo, như dòng sông quanh co uốn lượn. Kinh Niết-bàn quyển mười ghi: “Tất cả sông rạch đều có chỗ quanh co”. Phát tâm chẳng cùng khắp pháp giới, tin tánh bản hữu cho đến quả mới phát, cho nên lần lượt diệt chín cõi mà hiện ra cõi Phật, chẳng thể đạt được chín tức Phật, gọi là chẳng khắp. Chẳng phải phương tiện vô thượng, là ba mươi tâm của Biệt giáo chưa phải viên dung, chỉ là phương tiện tương tự. Trên phương tiện lại có phương tiện, là trên phương tiện Biệt giáo lại có phương tiện nội phạm của Viên giáo.

“Nếu phát tâm viên mãn v.v...” trở xuống là nói chung về Viên tuyệt. Trong văn nói về Lý, Hạnh, Giáo đều dứt bật (tuyệt) đầu tiên nói về lý dứt bật. Nói các tâm pháp giới, các tâm tức là tâm của chín cõi, đạt được vọng tâm của chín cõi tức chân lý của ba Đế. Cho nên nói pháp giới lại không có pháp giới, nữa là như quán tâm địa ngục, tức đây đủ lý ba quán Đế, đầy đủ ba ngàn, bao gồm tất cả, không đâu chẳng cùng khắp, lìa tâm này thì không có pháp nào khác, quán chín cõi khác, khởi tâm gồm thâu cùng khắp, cũng đều như thế. Cho nên nói chỉ một pháp giới. “Lại như kinh v.v...” trở xuống là nói lại có một hạnh, đoạn này nói về hạnh tuyệt. “Lại như kinh nói trực tiếp xả bỏ phương tiện v.v...” trở xuống: Đoạn này nói về giáo tuyệt. Câu- da-ni châu là dụ cho giáo, nói sự tức lý như đi thẳng vào biển, kinh quyển mười ghi: “Ở trong thế giới đại thiên này có một châu tên là Câu-da-ni, châu này có dòng sông chảy thẳng không quanh co, tên là Ta-bà-da, giống như sợi dây giăng thẳng đến biển Tây. “Tuyệt phương tiện v.v...” trở xuống là giải thích phương tiện, đầu tiên là nói dứt Thiên, để hiển Viên. Có bản ghi dưới chữ tuyệt phương tiện lại thêm chữ tuyệt nữa, là sai. “Như kinh nói dứt bật tất cả v.v...” là y cứ vào kinh để lập chung Tam Tạng giáo” .... là , y cứ vào giáo để chỉ bày. Tất cả lưới nghi, tức là chỗ nghi ngờ nghiêng về một bên của ba giáo. Đâu khởi lưới nghi, Ninh là lời nguyện, vì nghi là bến bờ của sự hiểu biết, chẳng khởi tâm nghi, thì đâu thể hiểu được? Cho nên phẩm Ca-diếp ghi: “Nếu có người đối với việc này khởi tâm nghi, thì sẽ phá được phiến não lớn như núi Tu-di. Cho nên biết, nếu

chấp Tiểu thừa, là quyết định thì không cách gì vào được Viên. Phương tiện Trung đạo, tức là quán hành tương tự. “Viên này v.v...” trở xuống là kết thành bốn môn. Môn cũng có cũng không; một tức ba là cũng có, ba tức một là cũng không. Chẳng thể nghĩ bàn, tức là chẳng phải ba chẳng phải một, là môn song phi.

“Nếu cho rằng v.v...” trở xuống là Khai, Thị, Ngộ, Nhập chân đạo, tức bốn mươi nhân vị chân thật. Kim bê (dao mổ bằng vàng) dụ cho giáo pháp của Niết-bàn, màng mắt dụ cho vô minh, ba dụ cho ba Đế. Đó gọi là rút ra dứt bật, là đối với nhân chân thật của tiền phương tiện mà được một phần hiển hiện, gọi chung là rút ráo, chẳng phải chỉ riêng cho quả Diệu giác. Mà chẳng có một lời, lời nói do tâm biến hiện, tức lời nói là tâm, tâm không thì lời nói cũng không, cho nên đầy khắp cả pháp giới mà không có một lời để được. Tâm cùng khắp cũng như thế, tâm không có tướng nhất định, chỉ tùy duyên mà biến khởi. Nếu tùy theo duyên nhiễm thì khởi tâm chín cõi, tùy theo duyên tịnh thì khởi tâm cõi Phật, nhiễm tịnh tuy khác, nhưng tâm chỉ là một, vì tâm tánh vắng bật cho nên chẳng có một niệm.

“Nhưng các kinh v.v...” trở xuống là dẫn kinh để chứng minh. “Các Bồ-tát nói mà có lời v.v...” trở xuống là ba mươi hai vị Bồ-tát mỗi vị đều trình bày pháp môn không hai tức là nói đối với giáo thuyên lý, cho nên gọi là nói mà có lời ngài Tịnh Danh im lặng nói lên tuyệt lý. Ngài Văn-thù khen. Ngài Tịnh Danh rằng: “Vắng lặng không có lời đây mới chính là vào không hai”, tức là dùng lời nói ở nơi lý không lời chẳng tuyệt chẳng phải chẳng tuyệt. Như bốn môn của Biệt giáo, là chẳng phải các tuyệt của Tạng, Thông, chẳng phải bất tuyệt của sáu đường. Cây tiên hỏa là que gỗ để lấy lửa, cỏ dụ cho sở tuyệt, que gỗ dụ cho năng tuyệt.

Kế đến là tổng kết chương Thích danh v.v...” trở xuống là chỉ rõ năm lớp trước đều y cứ vào kinh để lập nghĩa, chẳng phải tự đặt ra, cho nên nêu văn kinh để hiển bày môn tiết, gồm sáu năm nghĩa, trong văn có thể thấy được. Đồng Danh tức là tên chung. Bốn tức là môn, Niết-bàn là lý sở nhập, bốn thuyết là môn năng nhập.

“Như Thiên đế v.v...” trở xuống: Thiên đế dụ cho lý, ngàn tên dụ cho môn. Niết-bàn là tên, cũng do người dùng thể định làm tên, vì hiển đức mà lập chữ. Chẳng thể trở lại không; ý nói Niết-bàn là diệu hữu. Có hai giả là tương tục và tương đãi, như trước đã trình bày. Chính là nghĩa tức chân; vì tức chân cho nên không hoàn toàn giống với Thế đế. Chẳng thâm hợp với chân: Vì chẳng thâm hợp với chân, cho nên chẳng hoàn

toàn đồng với chân đế, vì thế không giống với cách lập nghĩa của ba Sư trước. “Có người hỏi” trở xuống, tức lần lượt phá bỏ lập luận của bốn Sư trước. Đầu tiên là phá lập luận của Trang Nghiêm. Hai là từ nếu bị v.v...” trở xuống là phá nghĩa của Khai Thiện; ba là, nếu Phật v.v...” trở xuống là phá nghĩa của Trị Thành; “Bốn là, nếu Phật v.v...” trở xuống là phá nghĩa Long Quang. Đây là các sư thuộc luận Thành Thật... vì các vị này đều y cứ vào luận Thành Thật để lập nghĩa, cho rằng quả Phật là vô vi, cho đến Thích nghĩa, dịch tên đều ở tại hữu vi, khiến cho người không phục, gặp bốn lập luận trên đều bác bỏ: Mâu thuẫn, mâu là một loại binh khí, thuẫn là một tấm chắn, Trang Tử nói rằng: “Nước Sở có một người bán mâu và thuẫn, cho rằng cả hai đều rất tuyệt, người mua bèn hỏi rằng nếu dùng cái mâu của ông, đâm vào cái thuẫn của ông thì thế nào? Người bán không đáp được”. Phàm nói ý nghĩa trái nhau thì đều dùng mâu thuẫn để dụ. Khiếp tức là phục.

“Triệu Luận, v.v...” trở xuống là lý Niết-bàn, vì chẳng phải sắc tướng, nên chẳng thể dùng hình tướng, tên gọi mà được; chẳng phải là duyên lực, nên chẳng thể dùng hữu tâm mà biết, vốn không nói năng, cho nên mất đi cái chân thật; vốn chẳng thể biết mà gượng khởi suy nghĩ để biết, cho nên trái lại trở thành ngu chấp, cho nên nếu cho là hữu thì trái với thể phi hữu, nếu cho là không thì tổn thương đến thân chẳng không, đó là do Niết-bàn chẳng có chẳng không”. “Y cứ theo ý của ngài Tăng Triệu mà suy, v.v...” trở xuống là nêu lên chủ ý của ngài Tăng Triệu. Rơi vào bốn kiến chấp, tức là dùng bốn câu để suy nghĩ, luận bàn, vì cho là hữu hay cho là vô đều là tà kiến, cho nên nói rằng không thể dùng tên gọi mà được. Nhưng ngài Tăng Triệu lập nghĩa tuy là lìa tà chấp và lìa bốn môn của Tiểu thừa, nhưng ý chính là ở Thông giáo, như đã trình bày đầy đủ ở phần trên.

“Kinh ghi v.v...” trở xuống là dẫn thí dụ trong phẩm Ai Thán để phá lập thuyết của các sư. Dùng bốn kiến để giải thích đại Niết-bàn, như nhật sỏi đá cho là ngọc lưu ly, mặt trời mùa xuân dụ cho cảnh say đắm trần dục, cưỡi thuyền dụ cho đang mang nghiệp, du hí dụ cho quả ưa thích, mất châu dụ cho việc không thể hiểu biết. Vì buông lung cho nên tuệ giải mê mờ, gọi là mất. Liên cùng nhau nhảy xuống nước, tin ngôn giáo như vào nước: Cho rằng quả Phật là hai đế v.v...: Như tranh nhau nhật sỏi đá cho là đã được châu nên vui mừng. Dùng việc này để chỉ cho người nhật sỏi đá lên, cho đó là lý sâu xa của Niết-bàn, cũng như cho rằng đây là ngọc lưu ly, như thế đều trái với viên thường đều chẳng phải thể chân thật. Vì chẳng phải thể của bốn chấp cho nên nói

là nước lặng yên trong suốt. Vì giáo được chỉ bày, người không thể hiểu được, nên nói ở trong nước cùng khắp tất cả, như nhìn lên hư không bao la tròn đầy, không thiếu sót như mặt trăng kia; chẳng phải cái mà mọi người nắm bắt được. Kết luận ý nghĩa bác bỏ các sư; như nhật sỏi đá cho là châu, dụ cho việc bác bỏ ba cách tu của Tiểu thừa, nay lại mượn ý này, để bác bỏ những kiến giải khác. Về người mù xúc chạm: Người mù tranh nhau sờ đuôi, ngà v.v...” mà không thấy được toàn thể con voi, dụ cho các sư. Tụ sắc cũng có cũng không, tức là vừa có chân thường diệu sắc, vừa không có vô thường sắc thô. “Kinh nói sắc v.v...” trở xuống: Các sư này giải thích, sợ bị người khác vặn hỏi rằng: Quả Phật nếu chỉ có tâm, vì sao kinh lại nói đạt được thường sắc, cho nên mới dùng hai nghĩa, Chân ứng để giải thích. Một là Ứng hợp với đồng phương loại, cho nên có sắc, hai là nghĩa chân quả bày thấy được, vì thế mới dụ là “vì sắc cho nên nói là sắc”. Dưới chữ Vi không có chữ Phi, hoặc là dưới chữ Vi thiếu ba chữ “Sa81x Kỳ Thật” Lẽ ra phải nói là “nói là sắc thật ra chẳng phải sắc”. Hai cõi có Sắc, tức là cõi Dục và cõi Sắc. Không có thô sắc, Xá-lợi-phất Tỳ-đàm ghi: “Vô sắc hữu sắc”. Kinh này lại ghi: “Sắc ở cõi vô sắc thì hàng Thanh Văn không thể biết được”. Cho nên các sư này mới nhất định cho rằng ba cõi đều có sắc. Địa thứ sáu trở xuống, tức địa thứ sáu của Thông giáo, là ba quả trước vẫn còn sinh, cho nên nói thân còn phần đoạn, Địa thứ bảy trở lên v.v...” là Tư hoặc còn sót lại cũng đã trừ hết, cho nên sinh vào bên ngoài cõi; Ở giữa hai cõi: hai cõi là phần đoạn và biến dịch, cũng là hai cõi Phạm Thánh đồng cư và Phương tiện. Kim tâm tức là tâm Kim cương, chỉ cho Đẳng giác. Tùy ý sinh thân, trong kinh Lăng-già, Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật rằng: Thế nào gọi là Ý sinh thân? Phật nói: “Ví như ý đi rất nhanh không bị ngăn ngại”, luận y cứ vào dụ này, dùng hai nghĩa của kinh ấy mà giải thích tên chung. Thứ nhất nói như ngoài mười muôn do-tuần, nhờ những gì thấy trước liền khởi niệm niệm nối nhau, nhanh chóng sinh về nơi ấy. Thứ hai nhờ năng lực Tam-muội như huyễn, vì nhờ bản nguyện, cho nên sinh vào hàng Thánh, hai nghĩa đều là do ý nhớ nghĩ sinh, mà có ba loại ý sinh, như sơ ký đã nói; Đều có vô tác tức là đều có tụ thứ ba. Vì sao chẳng lia, đã lia vọng sắc thì cũng phải lia vọng tâm, nếu cho rằng có chân tâm thì đâu ngại gì có chân sắc!

“Như thế v.v...” trở xuống, nay Sư bài bác các nhà giải thích trước, lập hoặc phá đều là nói dối. “Không có loại dao như thế”, như đã giải thích sơ lược ở đoạn sơ ký trước, còn giải thích đầy đủ ở đoạn kinh sau. Nay dùng các việc như người nghèo hèn hoặc lời nói mở để dụ cho sư



lập luận, giải thích của các Sư.

Tánh vô ký cũng có cũng không, vô ký có bốn thứ: “Dị thực, Oai nghi lộ, Công xảo xứ và Thông quả, quả báo năm ấm của ba cõi năm đường đều là Thời dị thực, Biến dị thực, Dị loại thực, vì đã có đủ ba nghĩa này nên gọi là Dị thực. “Oai nghi lộ, có hai loại: Một là, oai ghi sự, nghĩa là bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi lấy bốn trần làm tánh; Hai là oai nghi tâm, tức ý thức mạnh mẽ, có công năng dẫn phát oai nghi, còn năm thức trước, tự tánh yếu kém, tuy có duyên với oai nghi, nhưng không thể dẫn khởi oai nghi, Thức thứ bảy là Mạt-na, tuy chấp Lại-da làm nội ngã, đã chẳng duyên bốn trần là sắc, thanh nên cũng không phát ra oai nghi. Thức thứ tám A-lại-da tuy có duyên các trần như sắc... Nhưng tánh cũng yếu kém nên chẳng thể dẫn phát oai nghi, nói lộ nghĩa là oai nghi hiện hành như đi trên đường. “Về Công xảo, cũng gồm hai loại: Một là công xảo sự, nghĩa là vẽ họa điêu khắc màu sắc tô điểm, lấy năm trần làm thể. Hai là công xảo tâm, tức là ý thức và mắt tai,..., Chẳng phải là oai nghi, y cứ theo trước đã giải thích. Thông quả, còn gọi là Biến hóa vô ký. Nghĩa là chữ ng quả có lực dụng nơi thân thông, cũng gồm hai loại: Là biến hóa sự, tức là thay đổi hình chất, không mà thành có, Tiểu thừa thì dùng năm trần làm tánh, Đại thừa thì dùng năm ấm làm tánh; biến hóa tâm, tức là ý thức. “Nay nói vừa có tức là quả Phật cũng có Công xảo và Dị thực; vừa không tức quả Phật không có oai nghi lộ và Thông quả, như văn sau Văn Trạch đã phân biệt hai loại. Nghĩa là tự rõ ràng, cho nên nghi chú là vân vân. Một là tri giải tức là công xảo, hai là quả báo tức là Dị thực. Nhưng ở đây lảng bỏ, đều là do tính chấp của người, không đúng chánh lý thì không thể vặn hỏi, tất cả như những lời luận phá ở văn sau. Như nền tảng v.v... trở xuống là giải thích Phật địa có tri giải vô ký. Có nhiều cách giải thích, nên nói là có hai cách giải thích mà không nên nói nhiều về Tánh thiện này, nghĩa là như sự hiểu biết (trí giải) về đánh cờ, viết chữ... điều chẳng phải vô ký, vì quả Phật có, cho nên nói là Tánh Thiện. “Những người khác...” trở xuống là trừ Phật và xiển-đề, còn phàm phu cho đến Bồ-tát đều gọi là những người khác, nghĩa là đánh cờ, viết chữ... đối với những khác đều được gọi là tri giải, vô ký, còn đối với Phật địa gọi là thiện, mà chẳng phải là vô ký. “Nói về quả v.v... trở xuống là giải thích quả Phật không có quả báo, vô ký. Phần nhiều là dị cụ, cụ đáng lẽ phải viết là thực, do văn viết lầm. Lại không có pháp báo, nghĩa là Phật không có chấp Dị thực trong sinh tử, đoạn này nói Phật chỉ có tập nhân, tập quả. “Phàm ba tánh v.v...” trở xuống là bác bỏ chung. Còn chẳng phải chân thật, là

ba tánh còn chẳng phải thiên chân của Tiểu thừa, Niết-bàn thiên chân không có ba tánh này.

“Đâu thể v.v... trở xuống là còn chẳng phải Thiên chân, làm sao có thể dùng nó để giải thích Đại Niết-bàn cực quả Trung đạo? Như người nông dân bày lưng trần v.v...” Liệt Tử nói: “Chỗ an vui của người quê mùa, chỗ tốt đẹp của người quê mùa”. Nghĩa là trong thiên hạ không có ai hơn. Nước Tống có người nông phu thường mặc áo vải gai để qua mùa đông lạnh, khi xuân sang thì tự phơi mình trần dưới ánh mặt trời. Vì không biết rằng trong thiên hạ có biết bao nhiêu người nhà cao cửa rộng, lụa là, áo lông cừu..., cho nên nói với người vợ rằng, nay đã nhờ nắng ấm của mặt trời mà chẳng ai biết được, ta hãy hiến cái áo này cho vua, sẽ được trọng thưởng. Có một người giàu trong làng nói với anh nông phu rằng: “Xưa, có người có các loại đậu xanh, đậu nành, mía, rau cần, v.v...” cho là ngon, bèn đem đến biếu cho một người giàu, người này bèn nếm thử, cảm thấy miệng đắng, bụng lại đau, mọi người tức giận quở trách, người ấy cảm thấy rất xấu hổ, ông cũng giống như thế”, các Sư dụ cho người quê mùa, ba tánh dụ cho phơi lưng trần, Niết-bàn dụ cho Đấng Chí Tôn, việc Sư nay bác bỏ, dụ cho người giàu có trong làng. Chia làm năm loại để luận bàn, năm tên tuy khác mà thể chẳng khác nhau. Tánh tịnh tức Pháp thân, cho đến tức là chánh nhân, chánh nhân tức là Bất sinh, cho đến bất sinh tức tánh tịnh, tất cả các nghĩa khác đều như thế. Nêu lên một tức năm, năm tức một. Chỉ chung một bộ tức hai mươi lăm phẩm được gọi chung là Niết-bàn cho nên từ đoạn phương tiện thanh tịnh trở xuống, đầu tiên là phần chánh giải thích về Tướng, có ba:

**1) Trong văn nói về phương tiện tịnh thì đầu tiên giải thích nghĩa phương tiện:** kể là từ “câu nhưng nơi vắng lặng v.v...” là phần giải thích nghĩa Niết-bàn.

\* Giải thích phương tiện tức là hiện thân trong mười cõi. Có hai phần:

- Nói về năng (chủ thể) hiện, do trụ Thủ-lăng-nghiêm, cho nên có thể hiện ra sắc tượng. Âu-hòa, Hán dịch là Đạo chủng trí. “Kiến lập trên Đại nghĩa”, kiến là lập nên.

- Nói về sở (đối tượng) hiện, hoặc bốn thiên hạ, trước nói về nơi chốn, từ hẹp đến rộng, từ một cõi Diêm-phù-đề cho đến cuối cùng là mười phương.

\* “Nói về hiện thân tùy theo các chúng sinh...” trở xuống: Đầu tiên là nói về việc hiện thân ở cõi Phật, thị hiện sinh diệt, trong văn thị

hiện sinh, thì nói là đi bảy bước, phẩm Tứ Tướng nói đi về hướng Đông bảy bước, là đối với Tiểu cơ, còn hướng về mười phương mỗi phương đều đi bảy bước là đối với Đại cơ, trong văn thị hiện diệt độ thì nói là nằm nghiêng, tức sau khi Như Lai đáp ba mươi bốn câu hỏi của ngài Ca-diếp xong, liền nằm nghiêng như đứa trẻ kia và người thường bị bệnh, như phẩm Hiện Bệnh phần đầu đã nói, vì thế v.v...” tức là nói về việc phát khởi tướng nằm nghiêng thị hiện diệt độ trong phẩm Tựa. Tịch Dũng, Tịch là tâm đau xót, Dũng là hôn hờ. Ế tức là ẩn, ngăn ngại.

“Cho đến v.v...” trở xuống là thị hiện thân chín cõi. Trở xuống tức chỉ cho sở cảm của các căn cơ yếu kém, chỉ thấy thân ở địa ngục cho đến thân Bồ-tát mà thôi. Vả lại, y cứ theo việc thấy thân thì cho là căn cơ thấp kém, nếu nói theo nghe pháp thì mỗi giới đều nói bốn giáo. Nếu như thế thì Thắng thân nói là Liệt thân, Liệt thân nói là Thắng. Còn nói về ngộ giải thì thắng liệt tự phân biệt lấy. Nay y cứ theo hiện thân, thì cho rằng thấy thân Phật là Thắng, thấy thân chín cõi là liệt, chẳng trước chẳng sau là phần tổng kết mười cõi sinh diệt, tùy căn cơ, lợi ích mà thấy thân, chẳng ngăn ngại lẫn nhau, cho nên nói tức thời đều hiện.

\* Giải thích về nghĩa Niết-bàn, từ câu những nơi vắng lặng v.v...” trở xuống: Tuy mười cõi xao động, nhưng không làm giảm bớt, phá hoại sự vắng lặng, do khế hợp với vắng lặng, cho nên nơi sinh thì không nhiễm, nơi tử thì chẳng bị phiền lụy. Nghĩa Niết-bàn đều ở tại đó.

“Cho nên gọi v.v...” là đoạn văn tổng kết.

**2) Viên tịnh:** Gồm có hai phần, trước nói chung, sau bàn riêng.

a. Trong phần giải thích chung có ghi nhân tròn quả đủ, tức là nhân phần chân thì tròn đầy, quả diệu giác thì gồm đủ. Vốn mới phát tâm, phải giải thích riêng. Trước nói về nhân, kế nói về quả. Trong ba đoạn văn đều có ý tự độ mình và giáo hóa người. Từ đoạn đầu, tức là câu vốn khi mới phát tâm v.v...” cho đến chánh pháp, là phần tư mình trong nhân đầu tiên từ danh tự đạt tánh mà thành tự tu tập. Cho nên gọi là sơ cơ. Năm hạnh dung nhiếp nhau gọi là hạnh Như Lai.

“Trì giới v.v...” trở xuống là nói riêng về giới của Thánh hạnh. Bất sát đều là Trung đạo, đến đây thì lý sự, tự tha không hai, gọi là hộ trì chánh pháp, tuyên bố cùng khắp v.v...” trở xuống là nói về phần giáo hóa người, mở mang chánh pháp, cho nên gọi là Quảng tuyên, khiến cho người nghe được chứng ngộ, nên gọi là lợi ích, chuyển sự đến lý, xoay nhân về quả, nên gọi là hồi hướng Đại thừa, tự tha ở đây; đầu tiên đều từ danh tự, cuối cùng đạt về Đẳng giác, cho nên đều gọi là trong

nhân. “Cảm được thể Kim cương tâm v.v...” trở xuống là nói về phần tự độ trên quả, cảm tức nhân năng cảm, Đắc tức là quả Sơ đắc, tức cực quả Diệu giác.

“Kim cương v.v... trở xuống là chính thức hiển bày quả Sơ đắc chẳng thể bị phá hoại, cho nên dụ như kim cương, lý có thể làm quy tắc cho nên gọi là Pháp thân, lý không bao giờ thay đổi nên gọi là Thường thân. Ba tên này đều là tên khác của Pháp thân, tuy ba thân mà không hai, vả lại đó là nói theo Thắng thân. Vì nhờ tu đạo mà được, nên nhân để hiển bày quả, do tu nhân thường mà được quả thường này.

“Đồng thời tuyên bố rằng v.v...” trở xuống, đoạn này nói về giáo hóa người. Tất cả đều có Phật tánh, nếu có một niệm tâm thì đầy đủ ba ngàn, không phân biệt xiển-đề và định tánh, cho nên nói là đều có, y báo chánh báo đều do tâm; chẳng trừ cây cỏ, cho nên nói là đều có. “Ban cho tất cả v.v... trở xuống: Đây là nói về Thuần-đà hiển cúng lần cuối cùng, Phật ấn chứng cho được quả thường. Chữ Thường này xuyên suốt đến các chữ mạng, sắc, lực..., ý nói năm pháp đều thường. Đầu tiên là thường giữ gìn nối nhau cho nên gọi là Mạng, thường mạng thì vô tử vô chung mà không dứt mất, dùng phi sắc làm sắc, nay Ta, thân này chính là Pháp thân; tác dụng là lực, cùng khắp tất cả mọi nơi, sử dụng vô cùng tận; bất động gọi là an, tuy có lực dụng mà thường an tịnh chẳng động, đối với các căn cơ được giáo hóa đều hiển bày biện tài vô ngại, dùng vô duyên từ bi ban pháp lạc cho tất cả chúng sinh. “Tuy pháp phiền não v.v...” trở xuống là giải thích nghĩa Niết-bàn. Đầu tiên y cứ vào tự hành để nói về sự vắng lặng; kể đến, từ câu tuy ban cho chúng sinh v.v...” trở xuống là y cứ theo việc giáo hóa người để nói về sự vắng lặng. Không có chỗ phá, vì phiền não tức trí tuệ; cũng không có năng viên, vì trí tuệ tức phiền não. Không có các tướng chúng sinh và tướng bố thí, vì Phật cũng như, chúng sinh cũng như, như một không hai. Đó là Niết-bàn tròn đầy thanh tịnh, tổng kết về phần nói về tròn đầy thanh tịnh.

**3) Tánh tịnh:** Văn gồm có hai phần: Đầu tiên là giải thích về tánh tịnh,

“Trong lặng v.v...” trở xuống là giải thích về Niết-bàn.

“Đầu tiên văn ghi Phi tu phi đắc v.v...” trở xuống nghĩa là ba ngàn ba Đế xưa nay vốn đầy đủ, chẳng có tu nhân, chẳng có đắc quả, chẳng có tạo nghiệp, chẳng có dữ nghiệp; chữ Tác lễ ra phải viết là chữ Chánh, chữ Dữ phải viết là chữ Kỳ. Vì chẳng phải ý nghiệp, cho nên

nói chẳng phải chánh nghiệp; và chẳng phải do thân miệng nên chẳng phải kỳ nghiệp. Kinh Niết-bàn quyển ba mươi bốn ghi: “Chánh nghiệp là ý nghiệp; kỳ nghiệp là nghiệp thân miệng”. Sở giải thích rằng: Ý là thể của nghiệp. Vì thân miệng tự nhiên phù hợp mà có, như đến kỳ hạn khế hợp, nên gọi là kỳ nghiệp.

“Vốn tự... trở xuống đã chẳng phải nhân quả cho đến ba nghiệp, nên biết xưa nay tự đầy đủ, chẳng phải hôm nay mới tu thành, chứng quả mới có. “Vừa mới trong lặng v.v...” trở xuống là giải thích nghĩa vắng lặng. Bất sinh bất diệt, vì tánh vốn vắng lặng, nên gọi tánh này là Niết-bàn. “Tuy ở trong sóng nước dơ uest v.v...” trở xuống là nêu lên dụ ao nước mùa xuân để giải thích, như trước đã ghi. Năm ế tức là khói, mây, bụi, sương, móc, tay của Tu-la, để dụ cho năm trụ phiền não không làm nhiễm ô tánh tịnh; giống như năm ế chẳng che lấp mặt trăng. Ở đây nói mặt trăng tức chỉ cho hạt châu ở dưới ao nước, năm ế chẳng thể làm cho ẩn khuất. “Theo dòng v.v...” trở xuống: Như đã ghi ở đoạn trước. “Tuy ở dưới lớp da v.v...” trở xuống: Phẩm Như Lai Tánh ghi: “Ví như nhà vua có một đại lực sĩ, giữa hai đầu chân mày có một hạt kim cương, khi đấu vật với các lực sĩ khác vừa chạm đến, hạt châu bỗng nhiên lặn xuống dưới da, mà không biết hạt châu ở đâu. Chỗ hạt châu lặn xuống lại biến thành ung nhọt, bèn mời thầy thuốc đến chữa trị. Thầy thuốc giỏi xem bệnh cho thuốc, nên biết ung nhọt này là do hạt châu gây ra, hạt châu lặn xuống dưới lớp da liền dừng lại”, chi tiết đầy đủ như kinh đã nói. Nay dụ hạt châu cho lý tánh tịnh, vì xưa nay vắng lặng cho nên nói lẫn trong máu mủ mà chẳng nhiễm ô.

“Ba thứ Niết-bàn này v.v...” trở xuống là nói về sự dung hợp lẫn nhau của ba thứ Niết-bàn; chẳng được lìa nhau, vì thể tánh dung nhiếp nhau, cho nên chỉ có duy nhất một pháp; chẳng thể xen lẫn, vì thể dụng đã phân, nên tự thành ra ba loại. Hợp lại thì càng chia lìa vì tức một mà ba, chia ra thì càng hợp lại, vì ngay ba là một, ngang tức dọc cho nên càng cao, dọc tức ngang cho nên càng rộng; lại phải nói thêm tức là lại y cứ theo Pháp thân để giải thích về nghĩa Niết-bàn.

